

Bản án số: 45/2020/HSPT
Ngày: 07 - 5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn;

Ông Võ Bá Lưu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Tuyết Nhung- Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên toà phúc thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2020/TLPT-HS ngày 25/02/2020 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Đàm D do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Đàm D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 60/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo: Nguyễn Văn H; tên gọi khác: C; sinh ngày 28 tháng 01 năm 1995 tại Quảng Bình; ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ dân phố Đ, phường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và con bà Trần Thị T; có vợ (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2015; Tiền án: có 01 tiền án, năm 2015, phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy, bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới tuyên phạt 02 năm tù giam, thi hành án tại Trại giam Đồng Sơn, tháng 02/2017, hết án ra trại về lại địa phương, tiền sự: không; Nhân thân: Năm 2011 có hành vi gây rối trật tự công cộng, bị UBND tỉnh Quảng Bình ra Quyết định đưa đi Trường giáo dưỡng. Ngày 26/6/2012, trong thời gian cải tạo tại Trường giáo dưỡng bị TAND thành phố Đồng Hới xét xử, tuyên phạt 09 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản”, buộc bồi thường tổng số tiền 7.608.700đ cho người bị hại nhưng bị cáo là người chưa thành niên nên bà Trần Thị T là mẹ của bị cáo phải bồi thường thay. Hiện tại vẫn chưa chấp hành xong. (Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 107 BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 (về các quy định khác có lợi cho người phạm tội) thì Nguyễn Văn H

được coi là không có án tích); bị cáo thi hành án tại Trại giam Đồng Sơn đến năm 2013, hết án ra trại về lại địa phương. Ngày 23/8/2019 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 30/8/2019 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Quảng Bình khởi tố bị can và ra lệnh tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo bị tạm giam theo vụ án khác. Bị cáo có mặt tại phiên tòa theo lệnh trích xuất.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H:* Ông Trần Văn Đại – Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Thanh Long, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình, địa chỉ: Số 09 đường Ngô Gia Tự, phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị cáo Nguyễn Đàm D; tên gọi khác: B, sinh ngày 17 tháng 02 năm 1976 tại Quảng Bình; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ dân phố 11, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Hữu P (chết) và con bà Nguyễn Thị Minh C, có vợ là Nguyễn Thị Thanh T, con có hai con, lớn sinh năm: 2004, nhỏ sinh năm 2005; tiền án: có 01 tiền án, ngày 21/9/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành án tại Trại giam Nghĩa An, đến ngày 24/01/2017 ra trại; tiền sự: Không;. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 30/5/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Bị cáo có mặt tại phiên tòa theo lệnh trích xuất.

Trong vụ án còn có:

- *Bị cáo* Phạm Quốc T; tên gọi khác: C; sinh ngày 15 tháng 6 năm 1996 tại Quảng Bình; nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: TDP 1, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, không có kháng cáo. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Nữ Huyền T, địa chỉ: 41 Đ, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

2. Hoàng Thị H, địa chỉ: 122 H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

3. Hoàng Thị Diệu L, địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

4. Nguyễn Bảo L, địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

5. Lê Anh T, địa chỉ: thôn T, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

6. Hà Hồng Q, địa chỉ: Tổ dân phố 4, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

- *Người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thành niên:*

1. Bà Lê Thị D (đại diện cho Lê Anh T); địa chỉ: thôn T, xã Q, TP. Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H (đại diện cho Hà Hồng Q); địa chỉ: thôn Tân Phú, xã Quang Phú, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ 10 phút ngày 19/4/2019, Tổ công tác liên ngành Công an tỉnh Quảng Bình tiến hành kiểm tra, phát hiện tại phòng 404 của quán Karaoke Thiên Đường II thuộc Tổ dân phố 2, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình có 06 đối tượng ở trong phòng gồm Lê Anh T, Hà Hồng Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Nữ Huyền T, Hoàng Thị Diệu L, Hoàng Thị H đang có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Phát hiện trên bàn trong phòng hát 404 có 04 gói chất bột màu trắng và 05 viên nén màu hồng; phát hiện tại ghế ngồi gần màn hình điều khiển có 05 viên nén hình tròn màu đỏ, có ký hiệu WY, các đối tượng khai là ma túy và một ống tròn được quấn giấy bên ngoài, 01 đĩa sứ, 01 tấm nhựa hình chữ nhật. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản, lấy lời khai ban đầu của các đối tượng. Có 03 đối tượng, gồm Phạm Quốc T, Nguyễn Đàm D, Nguyễn Bảo L chạy sang phòng 403. Tiến hành kiểm tra nhanh chất ma túy của các đối tượng, có kết quả dương tính.

Tại Bản kết luận giám định số 470/GĐ-PC09 ngày 23/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận: 05 viên nén màu hồng gửi giám định là chất ma túy MDMA, tổng khối lượng 2,611gam; chất màu trắng bên trong 04 gói nilon gửi giám định là chất ma túy loại Ketamine, khối lượng 3,111gam; 05 viên nén hình tròn, màu đỏ, có ký hiệu WY gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,517gam.

Tại Bản kết luận giám định số 486/GĐ-PC09 ngày 07/5/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình, kết luận: Trên bề mặt của đĩa sứ, ống hút, thẻ nhựa đều có chất ma túy loại Ketamine.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận: Khoảng 23 giờ ngày 18/4/2019 Phạm Quốc T và Nguyễn Văn H rủ nhau đi “bay”, “lắc” (tức là sử dụng ma túy) tại quán bar A ở đường H, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; sẵn có ma túy nên Quốc T mang theo để sử dụng, còn H có tiền nên sẽ trả tiền địa điểm (tức tiền phòng hát để sử dụng “bay”, “lắc”). Quốc T đi cùng Nguyễn Nữ Huyền T đi đến quán bar A thì gặp H đi xe taxi đến. Do quán bar A sắp đóng cửa nên H, Quốc T, Huyền T cùng đi đến quán karaoke T để hát và bay lắc. Sau đó Quốc T còn rủ thêm Hà Hồng Q, Lê Anh T, Hoàng Thị Diệu L cùng đi. Cả nhóm lên phòng hát 404 quán karaoke T, sau khi vào phòng, Quốc T lấy ra 03 viên thuốc lắc và 02 gói Ketamine để ở trên bàn, mỗi người sử dụng một nửa viên thuốc lắc. Sau khi sử dụng xong thuốc lắc thì Huyền T đi ra hành lang gọi nhân viên đưa đĩa sứ và các dụng cụ khác vào phòng để sử dụng ketamine. Sau khi có đĩa sứ và các dụng cụ để sử dụng ma túy, H lấy 01 gói Ketamine và “xào” (tức là

cho Ketamine lên đĩa sứ, hơ lửa phía dưới đĩa, dùng thẻ nhựa đảo ma túy sau đó chia thành từng luống) và đưa cho cả nhóm cùng sử dụng. Ngoài ra, H còn rủ Hoàng Thị H đến hát và sử dụng ma túy và còn gọi điện cho Mai Phi L (tức L Sipper) đến quán R ở xã B, thành phố Đ để lấy 01 viên thuốc lắc từ Nguyễn Chí C do H mua của C từ trước đưa đến cho H để H đưa cho mọi người trong phòng cùng sử dụng, Mai Phi L đến và đưa cho H 01 viên thuốc lắc, H để trên bàn, Mai Phi L và Hoàng Thị H cùng sử dụng, Hoàng Thị H có sử dụng thêm ketamine đang còn ở trên đĩa. Một lúc sau H lấy tiếp 01 Ketamine còn lại và xào thêm một lần nữa và cả nhóm tiếp tục sử dụng.

Đến khoảng hơn 01 giờ ngày 19/4/2019 thì Nguyễn Đàm D và Nguyễn Bảo L đến và cùng vào phòng hát 404 của Karaoke T. Sau khi vào phòng được một lúc thì D đi xuống tầng hai gặp và mua của một người phụ nữ 05 viên thuốc lắc màu hồng với giá 1.500.000đồng, rồi đưa vào để ở trên bàn ở trong phòng 404 và H, Quốc T có cầm lên xem rồi để lại ở trên bàn. Đến khoảng 02 giờ 10 phút ngày 19/4/2019 Tổ công tác liên ngành Công an tỉnh Quảng Bình tiến hành kiểm tra, phát hiện thu giữ 04 gói Ketamine và 05 viên ma túy loại MDMA (thuốc lắc) màu hồng, 05 viên ma túy loại Methamphetamine (hồng phiến) hình tròn màu đỏ, có ký hiệu WY và một ống tròn được quấn giấy bên ngoài, 01 đĩa sứ, 01 tấm nhựa hình chữ nhật.

Nguyễn Đàm D xác định 05 viên ma túy loại MDMA màu hồng (thuốc lắc) có tổng khối lượng 2,611 gam bị thu giữ là của D mua về để cả nhóm sử dụng nhưng chưa sử dụng thì bị phát hiện thu giữ.

Đối tượng Phạm Quốc T (là người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp cai nghiện tại gia đình và cộng đồng) đã có hành vi tổ chức cho 05 người khác sử dụng trái phép chất ma túy, gồm: Lê Anh T, Nguyễn Nữ Huyền T, Hoàng Thị Diệu L, Hoàng Thị H, Hà Hồng Q, (trong đó Hà Hồng Q là đối tượng đang cai nghiện); Lê Anh T chưa đủ 18 tuổi.

Đối với Nguyễn Văn H đã đồng phạm với Phạm Quốc T tổ chức cho 5 người khác sử dụng trái phép chất ma túy, gồm Lê Anh T, Nguyễn Nữ Huyền T, Hoàng Thị Diệu L, Hoàng Thị H, Hà Hồng Q; trong đó, Hà Hồng Q, sinh ngày 16/4/2002 và Lê Anh T, sinh ngày 27/5/2001 chưa đủ 18 tuổi, Hà Hồng Q đang bị Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình áp dụng biện pháp cai nghiện tại gia đình và địa phương.

Bản Cáo trạng số 460/CT-VKS-P1 ngày 28/1/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình truy tố bị cáo Phạm Quốc T, Nguyễn Văn H về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” đối với T theo các điểm b, c khoản 2 Điều 255 BLHS; đối với H theo điểm các b, c, đ khoản 2 Điều 255 BLHS; truy tố bị cáo Nguyễn Đàm D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HSST 20/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã tuyên bố: Bị cáo Phạm Quốc T, Nguyễn Văn H phạm tội “Tổ chức

sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Nguyễn Đàm D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 17 ; Điều 58 ; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phạm Quốc T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 20/9/2019.

- Áp dụng điểm b, c, đ khoản 2 Điều 255; khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Đàm D 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 30/5/2019.

Án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, tuyên buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo của bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 01 năm 2020, bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo, nội dung xin xem xét lại tội danh “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03 tháng 02 năm 2020, bị cáo Nguyễn Đàm D kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Bị cáo Nguyễn Đàm D khai, thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố và xét xử của án sơ thẩm. Bị cáo trình bày: Mức án 15 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xét xử là quá nặng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, do đó bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Văn H thay đổi kháng cáo, thừa nhận phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” như Cáo trạng và Bản án sơ thẩm đã xét xử, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo H: Luật sư không tranh luận về tội danh mà Kiểm sát viên đề nghị với bị cáo H. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo tham gia các hoạt động từ thiện cho người bị chất độc màu da cam để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm: Các quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt là có căn cứ, đúng pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H đã thành khẩn khai ra toàn bộ hành vi phạm tội của mình, do vậy đề nghị áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, sửa án sơ thẩm, giảm cho bị cáo từ 03 đến 06 tháng tù đối với Nguyễn Văn H, đối với Bị

cáo Nguyễn Đàm D, do không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ nào nên đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn H và Nguyễn Đàm D nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự nên xác định là kháng cáo hợp pháp, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo Phạm Quốc T, Nguyễn Đàm D, Nguyễn Văn H và lời khai của những người tham gia tố tụng khác cùng với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và lời khai thừa nhận của bị cáo Nguyễn Văn H, Nguyễn Đàm D tại phiên tòa phúc thẩm đã thấy phù hợp và thống nhất:

Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định: Tối ngày 18/4/2019 và sáng ngày 19/4/2019, Phạm Quốc D và Nguyễn Văn H đã cùng với 05 đối tượng khác thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng 404 quán Karaoke T ở phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình thì bị bắt quả tang. Đã có cơ sở để xác định Phạm Quốc T là người chuẩn bị ma túy, Nguyễn Văn H là người trả tiền địa điểm sử dụng. T là người gọi T, Q, Anh T ; H là người gọi H; T gọi L đi bay lắc. Vào phòng hát 404, T là người đưa ma túy cho cả nhóm sử dụng; H là người đưa nửa viên thuốc lắc cho Thị H sử dụng và là người lấy thẻ nhựa ra và trực tiếp xào ma túy. Tại thời điểm các đối tượng sử dụng ma túy, bị cáo Phạm Quốc D và Nguyễn Văn H đã thực hiện hành vi tổ chức cho 05 đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, trong đó có Hà Hồng Q đang bị áp dụng biện pháp cai nghiện tại gia đình và cộng đồng và là người chưa thành niên; Lê Anh T là người chưa thành niên nên hành vi của Phạm Quốc T đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự; Nguyễn Văn H đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” với tình tiết định khung quy định tại các điểm b, c, đ khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự. Đối với Nguyễn Đàm D đã có hành vi mua 05 viên thuốc lắc (MDMA) khối lượng 2,611g và mang lên phòng hát 404 mục đích để sử dụng, hành vi của D đã phạm vào tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Như vậy, có cơ sở để khẳng định Bản án sơ thẩm xét xử các bị cáo Phạm Quốc T, Nguyễn Văn H phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và Nguyễn Đàm D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Nguyễn Văn H :

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn H thừa nhận H là người sẽ trả tiền phòng hát 404, là người có hành vi sử dụng thẻ nhựa, đĩa để phân ma túy nhằm cho các đối tượng khác đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể, bị cáo thừa nhận có gọi cho đối tượng Hoàng Thị H đến để sử dụng ma túy, thừa nhận có mua ma túy từ C và nhờ L đưa đến để cho người khác sử dụng. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình nên cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự (là tình tiết chưa được cấp sơ thẩm xem xét) để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp với pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đàm D thấy

Bị cáo thừa nhận có mua 05 viên ma túy có khối lượng 2,611 g MDMA theo kết luận của cơ quan chuyên môn, mục đích là để sử dụng; án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52, các điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Như vậy án sơ thẩm đã đánh giá, phân tích đúng, đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khi quyết định hình phạt để xử phạt bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có thêm tình tiết mới, Hội đồng xét xử thấy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đàm D để giảm nhẹ hình phạt.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với Nguyễn Đàm D và giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn H là có cơ sở.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

[6] Bị cáo Nguyễn Văn H kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Nguyễn Đàm D kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356; Điều 357; khoản 2 các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn H, sửa Bản án sơ thẩm về hình phạt

Áp dụng các điểm b, c, đ khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 (bảy)

năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đàm D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt,

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm h, khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Đàm D 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 30/5/2019.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Đàm D 45 ngày theo Quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử, để đảm bảo thi hành án.

3. Bị cáo Nguyễn Văn H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Nguyễn Đàm D phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 07 tháng 5 năm 2020).

Nơi nhận:

- Theo khoản 2 Điều 262 Bộ luật TTHS;
- Phòng PV27-CAQB;
- Vụ GĐKT1 TANDTC;
- Sở Tư pháp QB;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu AV, lưu VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Đức Long